

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: C1.A104

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 13h00

Ngày thi: 17/05/2022

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ	Tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
1	TA0115	SV6310462	Nguyễn Thị	Huyền	1/2/2000		
2	TA0116	SV6310463	Nguyễn Thị Mai	Huyền	24/2/2000		
3	TA0117	SV6310464	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	22/5/2000		
4	TA0118	SV6310465	Bùi Lê	Khang	6/6/1999		
5	TA0119	SV6310466	Đỗ Thị	Lan	7/7/1999		
6	TA0120	SV6310467	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	31/3/1999		
7	TA0121	SV6310468	Đinh Quang	Linh	18/4/1999		
8	TA0122	SV6310469	Hà Khánh	Linh	7/6/2000		
9	TA0123	SV6310470	Lê Khánh	Linh	5/10/1999		
10	TA0124	SV6310471	Nguyễn Hoàng	Linh	04/06/1998		
11	TA0125	SV6310472	Nguyễn Thị	Linh	5/10/2001		
12	TA0126	SV6310473	Phạm Hà	Linh	1/6/2000		
13	TA0127	SV6310474	Phan Thị Phương	Linh	7/2/2000		
14	TA0128	SV6310475	Nguyễn Thị	Loan	16/10/1999		
15	TA0129	SV6310476	Vì Thị	Loan	12/7/2000		
16	TA0130	SV6310477	Đỗ Đình	Long	8/5/2000		
17	TA0131	SV6310478	Lê Khắc	Long	8/4/1999		
18	TA0132	SV6310479	Nguyễn Hoàng	Long	30/9/1999		
19	TA0133	SV6310480	Nguyễn Thành	Long	30/4/2000		
20	TA0134	SV6310481	Phạm Thanh	Long	7/2/2000		
21	TA0135	SV6310482	Trần Đình	Long	15/6/2000		
22	TA0136	SV6310483	Nguyễn Thị	Luyến	27/12/2000		
23	TA0137	SV6310484	Bùi Khánh	Ly	7/1/2000		
24	TA0138	SV6310485	Lê Quỳnh	Mai	27/10/1999		
25	TA0139	SV6310486	Nguyễn Đức	Mạnh	3/8/2000		

26	TA0140	SV6310487	Nguyễn Thùy	Miên	9/1/1999		
27	TA0141	SV6310488	Nguyễn Hoàng	Nam	22/06/1999		
28	TA0142	SV6310489	Trần Hoài	Nam	26/7/2000		
29	TA0143	SV6310490	Trần Phương	Nam	6/1/1999		
30	TA0144	SV6310491	Vũ Hưng	Nam	29/3/1999		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)